|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** Số: /2022/NĐ-CP |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |
|  |  |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định**

**liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm.

3. Có cơ sở vật chất tối thiểu: có 01 cầu cảng, xưởng sản xuất, bảo trì báo hiệu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“**Điều 6. Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“**Điều 7. Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 03 năm.

3. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước và phần mềm khảo sát chuyên dụng.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“**Điều 8. Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ công bố Thông báo hàng hải**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ công bố Thông báo hàng hải phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 03 năm.

3. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước và phần mềm khảo sát chuyên dụng.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“**Điều 10. Điều kiện đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông báo hàng hải**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông báo hàng hải quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thông báo hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực hàng hải tối thiểu 03 năm.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“**Điều 11. Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“**Điều 12. Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 03 năm.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm hàng hải phải đáp ứng các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất như sau:

1. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 03 năm.

2. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước; phần mềm khảo sát chuyên dụng và phần mềm biên tập, xuất bản hải đồ giấy và hải đồ điện tử.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

**“Điều 16. Điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải phải đáp ứng điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất như sau: Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các lĩnh vực thông tin hàng hải hoặc điện tử viễn thông và phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực thông tin điện tử hàng hải tối thiểu 03 năm.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 2 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 19 như sau:

“a) Công ty hoa tiêu gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 19 như sau:

“c) Trường hợp nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản gửi công ty hoa tiêu qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;”

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Doanh nghiệp cảng đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) phải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc văn bản điện tử hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Danh sách các chức danh và hợp đồng lao động kèm theo bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc văn bản điện tử hoặc bản sao điện tử các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này;

d) Phương án khai thác cảng biển của doanh nghiệp cảng.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Doanh nghiệp cảng; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Doanh nghiệp cảng gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (nếu có).”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Doanh nghiệp cảng; trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

5. Sửa đổi, bổ sung nội dung tài liệu kèm theo tại Mẫu số 01 Phụ lục các mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển như sau:

“Tài liệu kèm theo:

1. Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc văn bản điện tử hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Danh sách các chức danh và hợp đồng lao động kèm theo bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc văn bản điện tử hoặc bản sao điện tử các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh.

3. Phương án khai thác cảng biển của doanh nghiệp cảng.”

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc văn bản điện tử hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý giấy phép đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài hoặc giấy phép cho thuê hoặc cho thuê lại thuyền viên làm việc trên tàu biển dưới hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc văn bản điện tử hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Quy định 1.4 của Công ước MLC về dịch vụ tuyển dụng và cung ứng thuyền viên”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam văn bản đề nghị cấp lại Giấy xác nhận, trong đó nêu rõ lý do cấp lại kèm theo các tài liệu chứng minh sự thay đổi thông tin về doanh nghiệp) (nếu có). Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam cấp lại Giấy xác nhận và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trước khi phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam hồ sơ đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải;

b) Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này;

c) Bản vẽ mặt bằng công trình thể hiện tọa độ vị trí công trình chính và các công trình phụ trợ khác, khoảng cách từ biên công trình đến các công trình liền kề;

d) Giấy tờ pháp lý về khu đất nghiên cứu dự án (cụ thể tọa độ biên khu đất);

đ) Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy đối với các công trình có yêu cầu riêng về khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy với công trình liền kề.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan đối với đề nghị của chủ đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

 “4. Đối với các dự án công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như: Cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm và các công trình tương tự khác, trong quá trình đề xuất dự án, chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam văn bản lấy ý kiến về sự cần thiết, vị trí, quy mô dự kiến của công trình, độ cao tĩnh không, độ sâu công trình.

Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và bản sao bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời về các yêu cầu cần tuân thủ để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư; trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục đề nghị công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng: Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng mới, điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp luồng hàng hải, chủ đầu tư hoặc tổ chức quản lý dự án gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải Việt Nam. Hồ sơ gồm

a) Văn bản đề nghị công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Biên bản nghiệm thu để đưa công trình đã hoàn thành xây dựng vào sử dụng có kèm theo bản vẽ hoàn công luồng hàng hải, hệ thống báo hiệu hàng hải được đầu tư theo dự án;

c) Quy trình hướng dẫn khai thác luồng hàng hải bao gồm: Chuẩn tắc luồng, hệ thống báo hiệu hàng hải, thông số tàu thiết kế và các điều kiện khai thác cụ thể khác;

d) Thông báo hàng hải về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải kèm theo bình đồ của luồng hàng hải; thông báo hàng hải về hệ thống báo hiệu hàng hải được đầu tư theo dự án; biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về kết quả khảo sát rà quét chướng ngại vật mặt đáy luồng hàng hải và vùng nước liên quan.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại điểm này, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố đưa tuyến luồng vào sử dụng theo quy định; trường hợp không đồng ý, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Sau khi hoàn thành việc xây dựng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Trình tự nhận và xử lý hồ sơ: Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam công bố mở bến cảng, cầu cảng, khu nước, vùng nước theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Thủ tục đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước:

a) Chủ đầu tư hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 văn bản theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận văn bản, nếu văn bản chưa phù hợp thì chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện văn bản theo quy định tại Nghị định này. Nếu văn bản hợp lệ thì chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lấy ý kiến các cơ quan hữu quan (nếu cần thiết), có quyết định đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc nhận bằng hình thức phù hợp khác đến tổ chức, cá nhân đề nghị.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

“3. Thủ tục thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời.

a) Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 văn bản đề nghị thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời;

b) Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Cục Hàng hải Việt Nam lấy ý kiến của Cảng vụ Hàng hải khu vực và các cơ quan liên quan. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời nếu đủ điều kiện. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam. Chậm nhất 03 ngày làm việc, sau khi nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư;

Đối với kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời là bến phao, khu chuyển tải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thiết lập bến phao, khu chuyển tải nếu cần. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam. Chậm nhất 03 ngày làm việc, sau khi nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 25 như sau:

“4. Trường hợp kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vượt quá thời hạn hoạt động được quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị gia hạn kèm theo ý kiến của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận gia hạn nếu đủ điều kiện. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam. Chậm nhất 03 ngày làm việc, sau khi nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn hoạt động và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 25 như sau:

“5. Thủ tục đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời

a) Sau khi được thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời, Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình phức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 văn bản đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo hồ sơ về đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển;

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư; trường hợp không đồng ý, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 40 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình phức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải;

c) Sơ đồ, tọa độ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

“1. Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình phức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng theo Mẫu số 16 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Biên bản nghiệm thu bàn giao;

c) Bình đồ khảo sát và rà quét chướng ngại vật luồng hàng hải đối với báo hiệu hàng hải trên các tuyến luồng hàng hải mới xây dựng do đơn vị có chức năng đo đạc, khảo sát thực hiện và cùng với chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ khảo sát;

d) Thông báo hàng hải về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 75 như sau:

“3. Đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động khác về môi trường trong vùng biển Việt Nam:

a) Người làm thủ tục gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình phức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ gồm: Văn bản theo Mẫu số 40 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đề nghị chấp thuận cho tàu thuyền nước ngoài xin đến cảng biển; bản sao các văn bản, tài liệu liên quan đến mục đích, thời gian tàu thuyền đến cảng biển; bản sao giấy đăng ký, đăng kiểm của tàu thuyền;

b) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ phải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ, chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình phức phù hợp khác đến người làm thủ; trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình phức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Trường hợp hồ sơ nhận được không hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải có văn bản phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình phức phù hợp khác đến tổ chức, cá nhân; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày… tháng … năm 2022.

2. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 9 và khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, ………. | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |